

Bản án số: 101/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Quốc.

2. Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Danh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoản - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/6/2025 và ngày 26/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2025/TLST- HNGĐ ngày 12/3/2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 128a/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị H**; Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Bản S, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Chu Văn T**; Sinh năm: 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nơi tạm trú: Bản S, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2025, bản tự khai nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Chu Văn T kết hôn với nhau từ ngày 27/12/2011 tại UBND xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau đến khoảng thời gian năm 2011 đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do khác biệt quan điểm sống về cách dạy con và sinh hoạt, thường xuyên xảy ra tranh cãi, anh T đánh đập chị, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không tìm được tiếng nói chung, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không thành, nay đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Chị H nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho chị được ly hôn anh Chu Văn T.

- **Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:** Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung là cháu Chu Ngọc H, sinh ngày 25/12/2012 và cháu Chu Long V, sinh ngày 24/3/2015. Chị H đề nghị giao cháu Chu Ngọc H cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H đề nghị giao cháu Chu Long V cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Chu Văn T trình bày:

- **Về hôn nhân:** Anh và chị H kết hôn với nhau từ ngày 27/12/2011 tại UBND xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn anh T và chị chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T cho rằng do Chị H bị người La Ha làm bùa. Vợ chồng tôi không cãi vã nhau, chỉ một lần duy nhất Chị H hiểu lầm anh nên có chút to tiếng với nhau nên chị H đã làm đơn lên Toà án đòi ly hôn với tôi. Giữa anh và Chị H đã được hai bên hòa giải một lần và có chia tài sản sản chung để Chị H ở một mình cho tĩnh tâm, nhưng Chị H không ở. Hiện nay chúng tôi đã không còn sống chung với nhau, Chị H đã tự bỏ nhà đi, anh không biết là đi ở đâu và anh đã đi tìm nhưng không thấy. Anh xác định vẫn còn tình cảm với Chị H nên không nhất trí ly hôn.

- **Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:** Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung đúng như Chị H khai. Do không nhất trí ly hôn nên anh T không yêu cầu giải quyết con chung.

Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Chị H không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn Chị H đề nghị không tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/6/2025 chị Lò Thị H thay đổi ý kiến nhất trí với ý kiến của hai cháu muốn ở với anh T. Đề nghị giao hai cháu Chu Ngọc H và cháu Chu Long V cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị H: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Chu Văn T.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao hai cháu Chu Ngọc H, sinh ngày 25/12/2012 và cháu Chu Long V, sinh ngày 24/3/2015 cho anh Chu Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Lò Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị H.

* *Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền giải quyết:** Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Lò Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị H:** Nguyên đơn chị Lò Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Chu Văn T có đăng ký kết hôn từ ngày 27/12/2011 tại UBND xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh T là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Từ năm 2024 cho đến nay chị và anh đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T và Chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn, tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa việc anh T cho rằng Chị H bị làm bùa, bị thần kinh và bệnh về tuyến giáp mới làm đơn ly hôn anh là không có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho Chị H ly hôn với anh T.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung: cháu Chu Ngọc H, sinh ngày 25/12/2012, cháu Chu Long V, sinh ngày 24/3/2015. Chị H đề nghị giao cháu Chu Ngọc H cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Chu Long V cho anh Chu Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/6/2025 chị Lò Thị H thay đổi ý kiến nhất trí với ý kiến của hai cháu muốn ở với anh T. Đề nghị giao hai cháu Chu Ngọc H và cháu Chu Long V cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa anh T đề nghị giao cháu Chu Ngọc H cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét anh T có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Tại biên bản ghi ý kiến hai cháu Chu Ngọc H và cháu Chu Long V có nguyện vọng ở với anh T. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý. Giao cháu Chu Ngọc H và cháu Chu Long V cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Sau khi ly hôn Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung chị H không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung: Không có.

[7]. Về án phí: Chị Lò Thị H là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị H.

[8]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Chu Văn T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Chu Ngọc H, sinh ngày 25/12/2012 và cháu Chu Long V, sinh ngày 24/3/2015 cho anh Chu Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị H.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Chu Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lò Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã M, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải

